

Bản án số: 50/2022/DS-PT

Ngày: 18 - 01- 2022

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Ông Lê Văn Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2021/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th; cư trú tại: 158 Phạm Văn Đ, phường N, thị xã A, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền của bà Th: Bà Trần Thị Thu T; cư trú tại: 28/2 khu phố 2, phường H, quận T, thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 12/11/2021) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân M; cư trú tại: 34 Võ Văn K, phường N, thị xã A, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Nguyễn Văn S; cư trú tại: Xóm 2, thôn P, xã C, huyện P, tỉnh B và bà Nguyễn Thị Z; cư trú tại: 33 Võ Văn Kiệt,

phường N, thị xã A, tỉnh B (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/10/2020) (ông S có mặt, bà T vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị P; cư trú tại: 204 Phạm Văn Đ, phường N, thị xã A, tỉnh Đ.
2. Bà Nguyễn Thị K; cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh B.
3. Ông Nguyễn Văn P; cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền của bà P, bà T và ông P: Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: 158 Phạm Văn Đ, phường N, thị xã A, tỉnh B (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/8/2020) (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: 38 Huỳnh Mẫn Đ, phường H, thành phố Q, tỉnh B (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Văn H (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn T (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Y (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh B.

8. Bà Nguyễn Thị L; cư trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh B (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

9. Vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Nguyên P; cùng cư trú tại: Xóm 2, thôn P, xã C, huyện P, tỉnh B (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Th là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Cha mẹ của bà là Nguyễn C (sinh năm 1910, chết năm 1972), Nguyễn Thị X (sinh năm 1913, chết năm 2010). Cha mẹ có 06 người con gồm: Nguyễn Xuân M; Nguyễn Thị A; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị P; Nguyễn Thị Kim H; Nguyễn Thị K. Bà Nguyễn Thị A chết năm 2016 có chồng tên Nguyễn Đ (chết trước Nguyễn Thị A) và 06 người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn P. Bà Nguyễn Thị Kim H chết không có con. Cha mẹ không có con nuôi, con riêng. Cha chết không có lập di chúc. Mẹ trước khi chết có lập di chúc ngày 28/9/2008 có 02 người làm chứng. Ông bà nội, ngoại đều chết trước cha mẹ. Tài sản của cha mẹ để lại là ngôi nhà cấp loại N8 xây dựng trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10, diện tích 170m², nay là nhà số 34 Võ Văn K, phường N,

thị xã A, tỉnh B. Năm 2020, nhà nước thu hồi 101,3m² đất để mở rộng đường giao thông, số tiền đền bù là 801.014.344đ (đã chi 8.000.000đ cho chủ có mộ trên đất giải tỏa, thuê tháo dỡ nhà 5.000.000đ, chia cho 05 người gồm Nguyễn Xuân M, Nguyễn Thị A (do ông Nguyễn Văn P đại diện), Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị K mỗi người nhận 3.200.000đ) còn lại 772.014.344đ các anh chị em thống nhất gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân phường N. Phần diện tích đất còn lại có nhà gác lờ, mái ngói, đã hư hỏng, hiện không ai sử dụng. Lô đất tái định cư tại Khu tái định cư phường N, tiền sử dụng đất phải nộp là 435.912.000đ, gia đình chưa nộp số tiền này nên chưa được giao đất.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ gồm diện tích đất còn lại của thừa đất số 98; số tiền đền bù 772.014.000đ đang gửi vào Quỹ tín dụng nhân dân N. Đối với lô đất được cấp tái định cư hiện chính quyền địa phương chưa giao đất nên chưa tranh chấp.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân M, đại diện theo ủy quyền của ông M, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Y thống nhất trình bày:

Thống nhất về mối quan hệ gia đình như nguyên đơn đã khai. Trước khi chết, cụ Nguyễn C và cụ Nguyễn Thị X không lập di chúc. Tài sản của cụ Nguyễn C và cụ Nguyễn Thị X gồm thừa đất số hiệu 04, mảnh số 3, tờ bản đồ số 10 diện tích 170m² (hiện nay là nhà số 34 Võ Văn K, phường N, thị xã A). Trước 1965, cha mẹ dựng một ngôi nhà tạm, lợp tole để ở. Sau khi cha chết, ông Nguyễn Xuân M ở chung với mẹ, còn các em có chồng ở nơi khác. Năm 1987, nhà xuống cấp, được sự đồng ý của mẹ, ông Nguyễn Xuân M xây lại ngôi nhà cấp 4, kết cấu tường gạch, mái ngói, nhà xây 02 ngăn, 02 gian gác lờ bằng gỗ có lan can sắt, cầu thang gỗ. Chi phí xây dựng do ông Nguyễn Xuân M bỏ ra, không có ai đóng góp gì. Năm 2006, vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị Nguyên P về ở ngôi nhà này với cụ Nguyễn Thị X, sơn lại tường nhà, xây nhà tắm, nhà vệ sinh, bếp và sửa lại phần mái nhà. Năm 2020, Nhà nước thu hồi 101,3m² đất để mở rộng đường, số tiền đền bù 772.014.000đ được gửi vào Quỹ tín dụng nhân dân N. Các khoản hỗ trợ 16.000.000đ, tiền thưởng vì giao trả mặt bằng sớm 5.000.000đ, tiền bồi thường thêm 40.000.000đ được chia ngay tại Ủy ban nhân dân phường N cho 05 anh em mỗi người 12.200.000đ. Gia đình được cấp 01 lô đất tái định cư tại Khu tái định cư phường N, tiền sử dụng đất gia đình chưa nộp nên chưa được giao đất.

Ông Nguyễn Xuân M có ý kiến: Khoản tiền đền bù nhà, vật kiến trúc 390.680.344đ thuộc sở hữu riêng của ông vì nhà do ông xây dựng; số tiền đền bù đất 381.333.656đ chia đều cho 05 anh em. Diện tích đất còn lại sau giải tỏa không phân chia, để xây dựng nhà từ đường. Lô đất tái định cư do chưa được giao đất nên sẽ giải quyết sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P trình bày: Thống nhất như trình bày và yêu cầu

của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và điều tự nguyện giao lại kỷ phần thừa kế được chia cho bà Nguyễn Thị Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Nguyên P thống nhất trình bày: Năm 2006, vợ chồng ông bà về ở ngôi nhà này với bà nội Nguyễn Thị X, đã tu sửa lại nhà như: Sơn tường, xây công trình phụ nhà tắm, nhà vệ sinh, bếp và sửa lại phần mái nhà bị dột, chi phí hết 1 lượng 03 chỉ vàng. Yêu cầu các đồng thừa kế của ông C, bà X thanh toán lại giá trị sửa chữa nhà mà vợ chồng ông bà đã bỏ ra.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B đã quyết định:

- Xác định số tiền đền bù giá trị nhà, giá trị đất bị giải tỏa, thu hồi hiện đang gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân N và gian nhà cấp loại N8, diện tích 57,1m² (đã hư hỏng) xây dựng trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10 diện tích còn lại sau thu hồi 83m² (số 34 Võ Văn K, khu vực T, phường N, thị xã A) là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn C, Nguyễn Thị X được chia thừa kế theo pháp luật và di chúc cho 05 người con gồm ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị K. Bà Nguyễn Thị A chết nên 06 người con là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn P được nhận thừa kế chuyển tiếp phần của bà Nguyễn Thị A.

- Ghi nhận sự tự nguyện giao phần được hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn P cho bà Nguyễn Thị Th sở hữu.

- Giao cho ông Nguyễn Xuân M sở hữu và sử dụng ngôi nhà cấp loại N8, diện tích 57,1m² (đã hư hỏng) xây dựng trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10 diện tích 83m² tại số 34 Võ Văn K, khu vực T, phường N, thị xã A (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Th sở hữu sổ tiết kiệm không kỳ hạn số sổ AN0010512 tại Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền 772.014.000đ (góc), tiền lãi tính đến ngày xét xử 1.692.000đ, tổng cộng 773.706.000đ.

- Buộc ông Nguyễn Xuân M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th 119.694.936đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08/10/2021, bà Nguyễn Thị Th kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét những vấn đề: Cấp sơ thẩm giao cho ông Nguyễn Xuân M được sử dụng, sở hữu nhà đất còn lại của cha mẹ để lại là không có căn cứ. Bà không đồng ý việc cấp sơ thẩm giao cho bà sở hữu 773.706.000đ mà đề nghị chia số tiền này cho tất cả hàng

thừa kế. Đề nghị công nhận quyền sử dụng, sở hữu nhà đất số 34 Võ Văn K, khu vực T, phường N, thị xã A cũ của cha mẹ bà để lại là tài sản chung của hàng thừa kế thứ nhất và đề nghị xem xét lấy khoản tiền 773.706.000đ đóng tiền mua lô đất tái định cư do giải tỏa nhà, đất của cha mẹ bà để lại.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tổ tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm chưa đúng nên đề nghị sửa phần án phí của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Về việc ông Nguyễn Xuân M được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật: Nhà, đất tại đất tại số 34 Võ Văn Kiệt, thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10 khu vực T, phường N, thị xã A, diện tích còn lại sau thu hồi 83m² là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn C và cụ Nguyễn Thị X để lại. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều có nguyện vọng được nhận hiện vật là nhà, đất nêu trên. Tuy nhiên, nếu chia hiện vật cho cả hai bên thì không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo Quy định số: 40/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định và sẽ làm mất đi tính năng sử dụng, giá trị của phần xây dựng. Mặt khác, hiện nay các bên ai cũng đã có nơi ở ổn định, không ai có khó khăn về chỗ ở. Hơn nữa, trước đây ông Mai cũng đã một mình bỏ tiền của, công sức ra tu bổ, sửa chữa, tôn tạo ngôi nhà của cha mẹ và hàng năm đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước nên cấp sơ thẩm giao cho ông M được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật nhà, đất nêu trên là có tình, có lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Về đề nghị chia thừa kế số tiền 773.706.000đ: Tổng giá trị khối di sản của vợ chồng cụ Nguyễn C và cụ Nguyễn Thị X là 1.116.751.171đ được chia thừa kế theo pháp luật và theo di chúc cho 05 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ C, cụ X mỗi kỷ phần có giá trị 223.350.243đ. Lẽ ra phải chia đều 773.706.000đ đang được gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân N cho tất cả những người được thừa hưởng di sản của vợ chồng cụ C, cụ X. Tuy nhiên, bà Th lại được những người thừa kế khác của vợ chồng cụ C, cụ X tự nguyện tặng, cho lại kỷ phần của mình nên bà Th được sở hữu 04 kỷ phần là 893.400.936đ, ông M được nhận thừa kế bằng hiện vật nên cấp sơ thẩm giao cho bà Th được sở hữu 773.706.000đ đang được gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân N và buộc ông M phải thanh toán cho bà Th

119.694.936đ là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về đề nghị công nhận quyền sử dụng, sở hữu nhà đất cũ là tài sản chung của hàng thừa kế thứ nhất: Tài sản của của vợ chồng cụ Nguyễn C, cụ Nguyễn Thị X để lại là ngôi nhà cấp loại N5 xây dựng trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10, diện tích 170m² (nay là nhà số 34 Võ Văn K, phường N, thị xã A). Tuy nhiên một phần nhà, đất đã bị Nhà nước thu hồi, giải tỏa và bà Th đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên cấp sơ thẩm đã xác định tiền đền bù giá trị nhà, giá trị đất bị giải tỏa, thu hồi hiện đang gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân N và gian nhà cấp N8, diện tích 57,1m² (đã hư hỏng) xây dựng trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10, diện tích còn lại sau thu hồi 83m² là tài sản chung của vợ chồng cụ C và cụ X được chia thừa kế theo pháp luật và di chúc cho 05 người con. Như vậy, cấp sơ thẩm đã công nhận khối tài sản là quyền sử dụng, sở hữu nhà đất cũ là tài sản chung của hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ C và cụ X và khối tài sản này cũng đã được cấp sơ thẩm chia theo yêu cầu của bà Th. Do đó, đề nghị trên của bà Th là không có căn cứ.

[1.4] Về đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lấy khoản tiền 773.706.000đ nộp tiền mua lô đất tái định cư: Vấn đề này tại cấp sơ thẩm không có ai yêu cầu nên cấp sơ thẩm không giải quyết. Do đó, trong phạm vi xét xử của mình cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A.

[3] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Th được miễn nộp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp với nhận định của HĐXX, về việc giải quyết vụ án có một phần phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 213, 219, 634, 649, 650, 651, 652, 659 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật

người cao tuổi; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

2. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Th được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương